TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT
Ngày: 02 – 3 – 2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Ông Hồ Hữu Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Kiều Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 154/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 16/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Thạch Thị Mỹ N;

2. Ông Thạch G;

Cùng cư trú tại: ấp A, xã V1, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:*

1. Bà Lê Bích C;

Cư trú tại: ấp B, xã V2, huyện V, tỉnh Hậu Giang (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hậu Giang).

2. Ông Danh D;

Cư trú tại: ấp B, xã V2, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: khu vực E, phường Hưng P, quận Cái R, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Danh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G trình bày:

Bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G có cho bà Lê Bích C và ông Danh D mượn tiền cụ thể như sau:

Lần 01: Ngày 30/02/2020, mượn số tiền 200.000.000 đồng, bà C có làm giấy mượn tiền và có hẹn ngày 28/3/2020 sẽ trả.

Lần 02: Ngày 30/02/2020, bà C tiếp tục mượn số tiền 900.000.000 đồng, bà C có làm giấy mượn tiền.

Lần 03: Ngày 09/4/2020, tiếp tục mượn số tiền 240.000.000 đồng, bà C có làm giấy mượn tiền.

Sau khi mượn bà C và ông D không có trả đúng theo thỏa thuận nên bà N và ông G đã nhiều lần đến đòi nợ bà C và ông D, ông D có biết việc vay tiền và có hẹn trả nhưng vẫn không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu bà Lê Bích C và ông Danh D trả số tiền 1.340.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Danh D trình bày:

Ông và bà Lê Bích C trước đây là vợ chồng nhưng đã ly hôn vào năm 2020. Lúc bà C mượn tiền của bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G ông không hay biết và bà C cũng không nói gì với ông. Đến khi bà C mất khả năng thanh toán thì bà N và ông G có đến nhà đòi nợ thì ông mới biết. Lúc đó vợ chồng ông đã ly hôn nhưng vì chưa có chỗ ở riêng nên ông còn ở chung nhà với bà C để chờ sắp xếp chỗ ở mới. Sau đó ông có nghe bà C nói lại là bà N và ông G cho mượn nhưng phải trả góp nếu không góp đủ lãi sẽ cộng dồn lãi vào vốn. Ông chỉ nghe bà C nói như vậy nhưng cụ thể có mượn bao nhiêu, có làm giấy tờ gì không và nợ lãi nhập vốn bao nhiêu thì ông không biết vì bà C không có bàn bạc gì với ông, ông cũng không có hứa hẹn trả nợ với bên nguyên đơn. Do đó, ông không thống nhất trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của ông Danh D cho rằng số tiền này bà C thừa nhận nợ riêng, không liên quan quan đến ông D, thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của ông D nhưng do bà N yêu cầu hai vợ chồng cùng trả và ông D không thống nhất nên bà N bỏ về, đoạn ghi âm không xác định được thời điểm, nguyên đơn không chứng minh được mục đích tiền mượn dùng vào mục đích thiết yếu của gia đình nên không phải là nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Bích C trình bày: Năm

2018, bà có vay tiền của bà Thạch Thị Mỹ N bao gồm tiền ngày, tiền tháng, tiền góp khoảng 400 đến 500 triệu đồng, có thỏa thuận lãi suất (từ 5 – 10%/tháng, 1.000.000đ = 5.000đ/ngày, tiền góp 10.000đ/ngày). Bà đóng lãi liên tục từ năm 2018 đến năm 2020, nếu không có đủ đóng lãi thì bà N sẽ gộp lãi vào vốn thành vốn rồi tiếp tục tính lãi. Mục đích vay để lấp nợ hụi. Bà có xác nhận tiền nợ với bà N trong cuốn sổ nhỏ (có hình phân bón in mặt ngoài), hiện do bà N giữ, còn 03 biên nhận mượn tiền do bà N cung cấp tại Tòa án là khi bà mất cân đối về kinh tế, tình hình dịch bệnh nên có xin bà N cộng vốn và lãi lại thì bà N mới kêu bà làm 03 giấy mượn tiền như đã nêu, mục đích để chốt vốn và lãi lại, để xin trả dần hàng tháng, không phát sinh lãi nữa, chứ không phải là số tiền vay ban đầu. Lý do có 02 (Hai) biên nhận ghi ngày 30/02/2020 là do thói quen sử dụng ngày âm lịch để giao dịch với nhau. Bà C yêu cầu xem xét cho trả số tiền gốc khoảng 500.000.000 đồng và xin phần lãi phát sinh, Sự việc vay tiền này là giao dịch giữa cá nhân bà với bà N, ông Thạch G và ông Danh D không biết, không liên quan. Bà tự chịu trách nhiệm với số tiền vay của bà N, xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G.

Buộc bà Lê Bích C có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G số tiền 670.000.000 đ (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

Buộc ông Danh D có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G số tiền 670.000.000 đ (Sáu trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, bị đơn ông Danh D có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bị đơn Danh D không có nghĩa vụ phải trả số tiền 1.340.000.000 đồng mà nghĩa vụ trả tiền này là của bà Lê Bích C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà N, ông G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm, vì theo nội dung đoạn ghi âm thể hiện ông Danh D thừa nhận là nợ chung với bà C.

Bị đơn Danh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, xác định ông không phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn mà đó là nghĩa vụ riêng của bà C, do bà C tự vay, khi vay ông không hay biết. Đối với nội dung đoạn ghi âm thể hiện ông và bà N bàn bạc, thỏa thuận về việc ông sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ của bà C, nhưng bà N không đồng ý cũng như không chịu giao lại những giấy nợ gốc của bà C cho ông nên thỏa thuận không thành, chứ ông không có thừa nhận là nợ chung giữa ông và bà C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

- *Về chấp hành pháp luật tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh D, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ buộc bà C có nghĩa vụ trả cho bà N, ông G số nợ 1.340.000.000 đồng vì đây là nợ riêng của bà C; ông D không phải có nghĩa vụ trả cho bà N, ông G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/9/2022, bị đơn ông Danh D có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Danh D yêu cầu không buộc ông có nghĩa vụ trả số tiền 1.340.000.000 đồng vì cho rằng đây là nghĩa vụ của bà Lê Bích C.

[2.1] Giữa bà C và ông D là vợ chồng, đăng ký kết hôn vào năm 2011 và đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020, do đó tại thời điểm bà C ký tên nhận nợ đối với bà N số tiền 1.340.000.000 đồng thì ông D và bà C vẫn còn là vợ chồng. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 86/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2020 thì về tài sản chung và nợ chung không giải quyết do ông D và bà C xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.2] Vợ chồng bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G khởi kiện yêu cầu ông Danh D và bà Lê Bích C có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay là 1.340.000.000 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N, ông G cung cấp 03 (ba) Giấy mượn tiền cụ thể: Giấy mượn tiền ngày 30/02/2020 với số tiền 200.000.000 đồng, Giấy mượn tiền cũng vào ngày 30/02/2020 với số tiền 900.000.000 đồng và Giấy mượn tiền ngày 09/4/2020 với số tiền 240.000.000 đồng (bút lục 21 – 23).

[2.3] Xét thấy, các "Giấy mượn tiền" chỉ có bà C ký tên, bà C cho rằng đây là nợ riêng của bà C, mục đích vay tiền là nhằm lấp hụi (đóng hụi thay cho hụi viên không đóng hụi trong thời gian bà C làm chủ hụi) và trả lãi những khoản nợ vay mà bà C đã vay trước đó để lấp hụi; ông D cũng không thừa nhận là nợ chung mà cho rằng là nợ riêng của bà C. Bà N cho rằng ông D thừa nhận là nợ chung với bà C trong cuộc nói chuyện giữa bà và ông D được bà ghi âm lại. Qua xem xét nội dung đoạn ghi âm do bà N giao nộp (kèm theo văn bản tường trình) không thể hiện ông D thừa nhận khoản nợ 1.340.000.000 đồng là nợ

chung của bà C, ông D, chỉ thể hiện cuộc nói chuyện giữa bà N và ông D về việc ông D sẽ tự chịu trách nhiệm về khoản nợ của bà C đối với bà N nhưng thỏa thuận không thành, không đi đến thống nhất chung nên không thể ràng buộc trách nhiệm với nhau. Số tiền bà C vay cũng không nhằm đảm bảo nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ngoài ra, bà N, ông G không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh số tiền 1.340.000.000 đồng bà C ký tên mượn tiền là nợ chung của bà C, ông D. Do đó, không đủ cơ cở xác định khoản nợ nguyên đơn bà N, ông G khởi kiện là nợ chung của bà C, ông D trong thời kỳ hôn nhân mà chỉ đủ cơ sở xác định đây là khoản nợ của cá nhân bà C. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì bà C phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà N, ông G số tiền đã vay, không đủ cơ sở buộc ông D có trách nhiệm cùng bà C trả nợ.

[2.4] Đối với việc bà C cho rằng số tiền 1.340.000.000 đồng là số tiền nợ gốc và lãi của các khoản vay trả góp, trả lãi hàng ngày và trả lãi theo tháng nhưng không được bà N thừa nhận, bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, không đủ cơ sở chấp nhận ý kiến của bà C. Ngoài ra, bà C cho rằng giao dịch vay tiền là giữa bà với bà N, chồng của bà N là ông G không có liên quan, tuy nhiên bà C vẫn đồng ý trả khoản nợ cho vợ chồng bà N, ông G, nên xác định bà C phải có nghĩa vụ trả cho bà N, ông G số tiền 1.340.000.000 đồng.

[2.5] Từ những nhận định từ mục [2.1] đến mục [2.4], xét thấy kháng cáo của bị đơn ông D là có căn cứ chấp nhận, nên sửa án sơ thẩm, chỉ buộc bà C có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng bà N, ông G số tiền 1.340.000.000 đồng.

[2.6] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định số tiền 1.340.000.000 đồng là nghĩa vụ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà C, ông D; bà C, ông D không có thỏa thuận chế độ tài sản riêng của vợ chồng để buộc ông D có trách nhiệm trả ½ số nợ là không có căn cứ.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông D được chấp nhận, căn cứ khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông D không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4.2] Về án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị đơn bà C phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 52.200.000 đồng, buộc nguyên đơn bà N, ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng đối với yêu cầu ông D cùng có nghĩa vụ trả nợ không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh D;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Áp dụng: Các Điều 357, 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G về việc yêu cầu bà Lê Bích C, ông Danh D có nghĩa vụ trả số tiền vay;

Buộc bà Lê Bích C có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G số tiền 1.340.000.000 đồng *(Một tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng)*.

Ông Danh D không phải có nghĩa vụ cùng bà Lê Bích C trả số tiền 1.340.000.000 đồng cho bà Thạch Thị Mỹ N, ông Thạch G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Bích C phải chịu số tiền 52.200.000 đồng.

Bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N, ông G đã nộp là 26.100.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002503 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang. Bà Thạch Thị Mỹ N và ông Thạch G được nhận lại số tiền chênh lệch là 25.800.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu.

Ông Danh D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002922 ngày 09/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thanh

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.